

TRIỀU LÝ (1010-1225) Sự phát triển của quốc gia phong kiến độc lập

- [Lý Thái Tổ \(1010-1028\)](#)
- [Lý Thái Tông \(1028-1054\)](#)
- [Lý Thánh Tông \(1054-1072\)](#)
- [Lý Nhân Tông \(1072-1127\)](#)

- [Lý Thần Tông \(1128-1138\)](#)
- [Lý Anh Tông \(1138-1175\)](#)
- [Lý Cao Tông \(1176-1210\)](#)
- [Lý Chiêu Hoàng \(1225\)](#)

Lý Thái Tổ (1010-1028)

Niên hiệu: Thuận Thiên

Người khởi dựng triều Lý là Lý Công Uẩn người làng Cổ Pháp, (Tứ Sơn, Bắc Ninh) Công Uẩn sinh năm Giáp Tuất (974), là con nuôi của thiền sư Lý Khánh Văn từ 3 tuổi và truyền thuyết vẫn cho rằng ông là con của Vạn Hạnh, anh ruột Khánh Văn.

Công Uẩn lớn tỏ rõ có chí lớn khác thường. Ông đến Hoa Lư làm quan nhà Tiền Lê đến chức Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ. Khi vua Thiếu Đế bị chết, biết ông ốm thầy vua khóc. Vua Ngoại Triều khen là trung, cử ông là Tả tướng quân chế chỉ huy sứ thống lĩnh hết quân túc vệ.

Khi Lê Long Đĩnh mất, Lý Công Uẩn đã ngoài 35 tuổi. Vua kết tự Long Đĩnh còn nhỏ, Lý Công Uẩn chỉ huy quân túc vệ trong chốn cung cấm. Bây giờ lòng người đã oán giận nhà Lê nên quan Chi hậu là Đào Cam Mộc cùng các quan trong triều tôn Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế vua Thái Tổ nhà Lý. Vua Thái Tổ thấy Hoa Lư hẹp nên bèn dời đô về La Thành. Tháng bảy năm Thuận Thiên nguyên niên (1010) vua khởi sự rời đô. Khi ra đến La Thành, Thái Tổ lấy cờ có điềm rồng thấy rồng vàng bay lên liền đổi Đại La thành Thăng Long thành (tức Hà Nội bây giờ), đổi Hoa Lư thành phủ Tràng An và Cổ Pháp thành phủ Thiên Đức. Vua Thái Tổ chỉnh đốn việc cai trị, chia nước làm 24 lộ, hội Hoan Châu và ái Châu là trại.

Vốn thông minh bẩm sinh, lại được nhập thân văn hoá cơ vùng đất văn minh, văn hiến, lại được sự nuôi dạy của những vị cao tăng xuất chúng, Lý Công Uẩn thực sự là người con ưu tú của dân tộc. Ông đã cùng triều Lý làm rạng danh nước Đại Việt, viết nên những trang sử oanh liệt dựng nước và giữ nước.

Chùa ứng Tâm nơi ông sinh ra bây giờ có tên là chùa Dận.

Ngôi huyệt chỗ giếng nước ở rừng Báng năm xưa, những gò ở xung quanh trông giống như hoa sen nở 8 cánh nên nhà Lý truyền ngôi được 8 đời.

Vua Lý Thái Tổ trị vì 19 năm thì mất, thọ 55 tuổi.

Lý Thái Tông (1028-1054)

Niên hiệu: - Thiên Thành (1028-1033) - Minh Đạo (1042-1043)
- Thống Thụy (1034-1038) - Thiên Cảm Thánh Vũ (1044-1048)
- Càn Phù Hữu Đạo (1039-1041)- Sùng Hưng Đại Bảo (1049-1054)

Vua Lý Thái Tổ sinh 5 Hoàng Tử : Thái Tông, Phật Mã, Dực Thánh Vương, Khai Quốc Bồ, Đông Chính Vương Lực, Võ Đức Vương Hoảng, Phật Mã được phong làm Thái Tử.

Vua Thái Tổ vừa mất chưa làm lễ tế táng, các Hoàng Tử Võ Đức Vương, Dực Khánh Vương và Đông Chính Vương đã đem quân vây thành để tranh ngôi của Thái tử. Tướng Lý Nhân Nghĩa xin Hoàng thái tử đem quân ra chống cự. Khi quân của Thái tử và quân của các vương giáp trận, võ vệ tướng quân Lê Phụng Hiểu tuốt gươm xông tới chém chết Võ Đức Vương, Thấy vậy, Dực Khánh Vương và Đông Chính Vương xin về chịu tội, được vua Thái Tông tha tội và phục lại chức cũ.



Thái Tông luôn dạy dân tôn trọng phép nước, định rõ các bậc hình phạt, đối với các tội nhẹ, cho được lấy tiền chuộc tội. Hễ năm nào đói kém, hoặc đi đánh giặc về, vua đều giảm thuế cho dân. ở trong cung, vua định rõ số hậu, phi và cung nữ: Ví như: hậu và phi: 13 người, ngự nữ 18 người, nhạc kỹ: 100 người. Tất cả các cung nữ đều phải học nghề thêu, dệt gấm vóc, khuyến khích triều thần dùng chế phẩm của họ.

Thời ấy giặc giã còn nhiều nên vua phải thân chinh đi trận mạc. Năm Mậu Dần (1038), có Nùng Tồn Phúc ở châu Quảng Nguyên (Lạng

Son) làm phản, tự xưng là ChiêuThánh hoàng đế, lập A Nùng làm Hoàng hậu, đặt quốc hiệu là Trường Sinh rồi đem quân đi đánh phá các nơi. Năm sau, vua Thái Tông thân đi đánh được Nùng Tôn Phúc và con là Nùng Trí Thông đem về kinh xử tội. Còn A Nùng và con là Nùng Trí Cao chạy thoát.

Năm Tân Tị (1041) Nùng Trí Cao cùng với mẹ về lấy được châu Thắng Do (gần châu Quảng Nguyên) lập ra nước Đại Lịch. Thái Tông sai tướng lên đánh, bắt được Nùng Trí Cao. Vua thương tình tha tội chết và cho làm Quảng Nguyên Mục và gia phong cho tước Thái Bảo. Nhưng năm Mậu Tý (1048), Phùng Trí Cao lại xưng là Nhân Huệ hoàng đế, quốc hiệu là Đại Nam chống lại triều đình. Vua sai tướng Quách Thịnh Dật lên đánh. Nùng Trí Cao đem quân sang đánh Ung Châu rồi lần lượt 8 châu khác thuộc về Quảng Đông, Quảng Tây của nhà Tống. Vua Tống cử Địch Thanh cùng nhiều tướng giỏi đi đánh Nùng Trí Cao. Nhưng đánh mãi không được. Chỉ đến khi người Đại Lý vừa bắt Nùng Trí Cao chém lấy đầu đem nộp nhà Tống, giặc Nùng mới tan.

Năm Giáp Thân (1044), Chiêm Thành nhiều lần đem quân quấy rối vùng biên giới, vua thân chinh đánh dẹp, tiến vào kinh đô nước Chiêm, chém vua Chiêm.

Vua Lý Thái Tông cũng rất chú ý đến việc lập pháp. Dưới thời ông trị vì, năm Nhâm Ngọ (1042), bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta được ban hành. Đó là bộ luật “Hình thư”.

Vua Thái Tông trị vì được 27 năm, đến năm Giáp Ngọ (1054) thì mất, thọ 55 tuổi.

Lý Thánh Tông (1054-1072)

Niên hiệu: - Long Thụy Thái bình(1054-1058)
- Chương Thánh Gia Khánh (1059-1065)

- Long Chương Thiên Tự (1066-1067)
- Thiên Chúc Bảo tượng 1068
- Thần Vũ (1069-1072)

Vua Lý Thái Tông có 2 con trai là Thái tử Nhật Tôn và hoàng tử Nhật Trung.

Vua Lý Thái Tông cũng giống các vua Lý đời trước, tuy đóng đô ở Thăng Long nhưng tình cảm thường gần gũi với đồng ruộng và thương dân. Vì vậy, đến mùa xuân vua thường về phủ Thiên Đức xem hội hè, lễ Phật, xem cấy lúa, đánh cá, mùa hè xem gặt hái, nghỉ mát và tu dưỡng.



Văn Miếu, xây năm 1072

Vua Lý Thánh Tông thương dân nên trăm họ đều yêu mến, nước ít giặc giã. Vì muốn khai hoá cho dân, vua lập Văn Miếu, lập tượng Chu Công, Khổng Tử và 72 vị tiên hiền để thờ.

Ngoài việc thực hiện nền chính trị nhân đạo thân dân, vua Lý Thánh Tông còn là người đề tâm đến đạo Phật, vua đã cho xây cất nhiều chùa chiền và là người sáng lập phái Phật giáo Thảo Đường. Lý luận của Thảo Đường thoả mãn sự đòi hỏi của vua muốn phát triển ý thức dân tộc, muốn tự lập tự cường, chống sự xâm lăng của Bắc Tống, hoà hợp với Khổng học tạo nên sự thống nhất giữa ý chí và hành động của giới tu hành, thứ dân, nhằm xây dựng một Đại Việt hùng mạnh. Khác với các triều đại trước, Lý Thánh Tông đem đạo vào đời, mà cuộc đời ấy theo nhà vua, phải lấy việc phụng sự dân tộc, lấy sự đồng tâm nhất trí làm mục đích để tập trung vào hành động thiết thực, cứu thế bằng đức tin. Vua đã tìm thấy Phật học triết lý sinh thành dưỡng dục đại lâu dài nối tiếp, là phương tiện dạy cho dân hiểu mình là ai, lấy ý chí tự cường để chiến thắng số mệnh, phụng sự cho sự phồn vinh bền vững của quốc gia. Cũng do vậy dân chúng Đại Việt tìm thấy nguồn cảm hứng vừa sâu rộng vừa cao siêu của mình của tinh yêu hiện thực và đại đồng Phật giáo. ở lòng từ bi bác ái cứu nạn cứu khổ, cứu vớt chúng sinh. Nhân dân đến với đạo không phải vì chán ngán cuộc đời mà vì muốn sống cuộc đời cao cả là đời sống tâm linh. Nhưng nhà tu hành đời Lý không phải là những người chán đời đi ở ẩn mà là những người xuất thế để nhập thế, những người có học vẫn muốn giúp người, Vì vậy, đời Lý người tu hành xuất hiện khắp nơi. Chùa và đình thất mọc lên khắp nước. Kiến trúc chùa chiền thời ấy rất giản dị, dịu mát ẩn dưới bóng đa linh thiêng và tôn kính.

Bình pháp thời Lý Thánh Tông có tiếng là giỏi. Nhà Tống đã phải dụng tâm học cách tổ chức phiên chế quân đội của ta.

Năm Nhâm Tí (1072), Lý Thánh Tông mất đột ngột, trị vì được 17 năm, thọ 50 tuổi.

Lý Nhân Tông (1072-1127)

Niên hiệu: - Thái Ninh (1072-1075)
- Anh Vũ Chiêu Thắng (1076-1084)
- Quang Hữu (1085-1091)
- Hội Phong (1092-1100)

- Long Phù (1101-1109)
- Hộ Tường Đại Khánh (1110-1119)
- Thiên Phù Duệ Vũ (1120-1126)
- Thiên Phù Khánh Thọ (1127)

Vua Lý Thánh Tông sinh được Thái tử Càn Đức, con Nguyên phi ý Lan. Thánh Tông mất, Càn Đức mới 7 tuổi lên nối ngôi lấy hiệu là Lý Nhân Tông.

Vua Nhân Tông còn nhỏ nhưng nhờ có Thái phi ý Lan làm nhiếp chính, lại thêm Thái sư Lý Đạo Thành và Phụ quốc Thái úy Lý Thường Kiệt, những khối óc lớn thời ấy giúp sức, nên nước Đại Việt trở nên hùng mạnh.

Về đối nội, Vua Nhân Tông cho đắp đê Cơ Xá, khởi đầu việc đắp đê ngăn lũ ở nước ta, nhằm giữ cho kinh thành khỏi ngập lụt.

Năm Ất Mão (1075) vua mở khoa thi tam trường, còn gọi là Minh kinh bác học để chọn người có tài văn học vào làm quan. Khoa thi ấy ở khoa thi đầu tiên ở nước ta chọn 10 người, Thủ khoa là Lê Văn Thịnh. Về sau, Lê Văn Thịnh làm đến chức Thái sư (tể tướng), tỏ rõ là người có tài xuất chúng. Cuối đời vua nghi ngờ Lê Văn Thịnh làm phản, Thịnh bị đẩy lên Thao Giang (Tam Nông, Phú Thọ) và đã chết oan tại đó.

Năm Bính Thìn (1076), vua cho lập Quốc Tử Giám-trường đại học đầu tiên của nước ta, chọn những nhà nho giỏi vào dạy. Đến năm Bính Dần (1086) mở khoa thi chọn người có tài văn học vào Hàn lâm viện. Khóa ấy có Mạc Hiền Tích đỗ đầu, được bổ Hàn lâm học sĩ.

Năm Kỷ Tỵ (1089) vua Nhân Tông định quan chế, chia văn võ 9 phẩm, quan đại thần có Thái Sư, Thái Phó, Thái úy, Thiếu sư, Thiếu úy, ở dưới những bậc ấy, về văn ban có Thượng thư, tả hữu Tham trí, Tả hữu Giám nghị đại phu, Trung thu thị lang. Về võ ban có Đô Thống, Nguyên Suý, Tổng quản khu mật sứ, khu mật tả hữu sứ, Kim ngô thượng tướng, Đại tướng, Đô tướng, Chư vệ tướng quân...

ở các châu quận, văn thì có tri phủ, tri châu; võ thì có Chư lộ trấn, lộ quan.

Năm Đinh Tỵ (1077), khi Tống triều cử Quách Quý, Triệu Tiết đem đại binh sang xâm lược, với toàn quyền điều khiển triều đình Hoàng Thái hậu ý Lan và Phụ quốc thái úy Lý Thường Kiệt đã huy động được cả dân tộc vào trận, tạo cho thế nước ở đỉnh cao ngàn trượng đè bẹp quân thù. Nước Đại Việt đã ra khỏi cuộc chiến tranh với hào quang chiến thắng quanh vương miện để bước nhanh trên con đường cường thịnh, văn hiến.

Vua Lý Nhân Tông làm vua đến năm Đinh Mùi (1127) thì mất, trị vì được 56 năm, thọ 63 tuổi.

ý Lan

Nói đến triều Lý không thể không nói đến ý Lan, một trong những danh nhân có tài trị nước của dân tộc. Trên thật của ý Lan là Lê Thị yển, quê làng Thổ Lỗi sau đổi thành siêu loại (Thuận Thành, Bắc Ninh) nay thuộc Gia Lâm, Hà Nội. Vì mẹ mất từ lúc 12 tuổi, cha lấy vợ kế nên thân phận ý Lan khổ như cô Tấm trong chuyện cổ tích. Sứ ghi, ý Lan là cô tấm lộ Bắc, hay gọi đền thờ ý Lan ở Dương Xá (Gia Lâm, Hà Nội) là đền thờ bà tấm là vì thế.

Năm Nhâm Tuất (1072), vua Lý Thánh Tông đột ngột qua đời, triều Lý không tránh khỏi rối ren. Nhưng khi ý Lan trở thành Hoàng thái hậu nhiếp chính và Lý Thường Kiệt nắm quyền tể tướng thì Đại Việt lại khởi sắc, nhanh chóng thịnh cường. ý Lan đã thi hành những biện pháp dựng nước yên dân, khiến cho thế nước và sức dân đã mạnh hẳn lên. Năm Đinh Tỵ (1077), Tống triều phát đại binh sang xâm lược. Để Lý Thường Kiệt rảnh tay lo việc trận mạc, Thái hậu ý Lan đã bỏ qua hiểm khích cũ, điều Lý Đạo Thành từ Nghệ An về, trao chức thái sư như cũ, để cùng mình điều khiển triều đình huy động sức người sức của vào trận. Nhờ vậy nước Đại Việt đã làm nên chiến thắng hiển hách. Quân giặc hùng hổ toan làm cỏ nước Đại Việt đã phải cam chịu thất bại, lùi thối rút quân về nước.

Làm nên chiến thắng này, công Thái hậu ý Lan thực lớn. Nhưng trong đời ý Lan không phải không có tí vết. Sau khi vua Lý Thánh Tông qua đời, Hoàng hậu Thượng Dương dựa vào thế lực của Thái sư Lý Đạo Thành, đã gạt ý Lan ra khỏi triều đình. Mãi 4 tháng sau, có Lý Thường Kiệt giúp sức, ý Lan mới trở lại nắm quyền nhiếp chính. Bà đã bắt giam Hoàng hậu Thượng Dương cùng 72 cung nữ vào lãnh cung, bỏ đói cho đến chết. Vì tội trạng ấy, sử sách phong kiến đã xoá sạch mọi công lao của bà đối với dân nước, mà quên mất rằng trong nghiệp làm chính trị, đó là chuyện thường thấy.

Lý Thần Tông (1128-1138)

Niên hiệu - Thiên Thuận

Thiên Chương Bảo Tự (1133-1137)

Vua Lý Nhân Tông không có con trai, lập con của hoàng đế Sùng Hiền hầu Dương Hoán lên làm Thái Tử, nay kế vị ngôi Hoàng đế tức là vua Thần Tông

Thần Tông vừa lên ngôi liền đại xá cho các tù phạm và trả lại ruộng đất tịch thu của quân dân ngày trước. Vua thực hiện chính sách ngu binh ư nông, cho binh lính đổi phiên cứ lần lượt 6 tháng một lần được về làm ruộng. Do vậy, sản xuất nông nghiệp phát triển. Dân no đủ nên giặc giã cũng ít. Thần Tông làm vua được 10 năm, thọ 23 tuổi.

Lý Anh Tông (1138-1175)

Niên hiệu:

- Thiên Minh (1138-1139)

- Đại Định (1140-1162)

- Chính Long Bảo ứng (1163-1173)

- Thiên Cảm Chí Bảo (1174-1175)

Vua Lý Thần Tông có 2 con trai là Thiên Lộc và Thiên Tộ. Thần tông mất, triều đình tôn Thái tử Thiên Tộ lên làm vua, hiệu là Anh

Tông.

Lý Anh Tông kế vị ngôi vua mới có 3 tuổi. Bởi vậy thái hậu Lê Thị cầm quyền nhiếp chính. Lê Thái hậu lại tư thông với Đỗ Anh Vũ, cho nên mọi việc lớn nhỏ trong triều đều nằm trong tay vị đại thần họ Đỗ này cả. Đỗ Anh Vũ được thế ra vào cung cấm, Thấy Anh Vũ lộng quyền, các quan Vũ Đái, Nguyễn Dương, Nguyễn Quốc và Dương Tự Minh bàn mưu trừ khử. Việc bại lộ, tất cả bị Anh Vũ giết hại. May thay triều đình lúc đó có nhiều tài giỏi như Tô Hiến Thành, Hoàng Nghĩa Hiền, Lý Công Tín nên tham vọng của Đỗ Anh Vũ đã bị chặn lại. Tô Hiến Thành chẳng những giúp vua đánh Đông dẹp Bắc, giữ cho nước được yên mà còn luyện tập quân lính, kén chọn những người tài giỏi cho làm tướng, coi quân trị dân. Bởi vậy, nước Đại Việt hồi ấy trở nên hùng mạnh.

Năm Tân Mão và năm Nhâm Thìn (1171-1172), vua đầy công đi qua những vùng núi non hiểm trở, quan sát sinh hoạt của dân rồi sai quan làm tập bản đồ nước Đại Việt.

Khi biết mình sức yếu, Vua phong cho Tô Hiến Thành làm Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự và gia phong tước vương, đồng thời ủy thác Thái tử là Long Cán cho Tô Hiến Thành giúp dạy

Anh Tông mất, trị vì được 37 năm, thọ 40 tuổi đổi niên hiệu 4 lần.

Lý Cao Tông (1176-1210)

Niên hiệu:

- Trịnh Phù (1176-1210)

- Thiên Gia Bảo Hựu (1202-1204)

- Thiên Tư Gia Thụy (1186-1201)

- Trị Bình Long ứng (1205-1210)

Vua Anh Tông mất, Thái tử Long Cán chưa đầy 3 tuổi. Bà Chiêu Linh thái hậu muốn lập con cả của mình tên là Long Xưởng lên làm vua bèn đem vàng bạc đút lót cho vợ Tô Hiến Thành. Nhưng Tô Hiến Thành nhất định không nghe cứ theo di chiếu lập Long Cán, tức vua Lý Cao Tông.

Năm Bình Thìn (1208), ở Nghệ An có Phạm Du làm phản chiêu nạp bọn côn đồ đi cướp phá của dân. Vua Cao Tông sai quan quân đánh được Phạm Du, tịch biên gia sản, đốt phá nhà cửa của hắn. Phạm Du cho người về kinh lấy vàng đút lót các quan trong triều rồi vu cho Bình Di làm việc hung bạo, giết hại người vô tội. Triều đình cho Phạm Du vào triều kêu oan. Nghe lời Phạm Du, vua Cao Tông triệu Bình Di hội triều rồi bắt giam ngay. Hay tin, một bộ tướng của Bình Di là Quách Bốc đem quân phá thành cửa thành vào cứu Bình Di. Thấy biến Cao Tông vội cho giết Bình Di rồi đem gia quyến chạy lên vùng Tam Nông (Phủ Thọ). Thái tử Sảm thì chạy về Hải Ấp (Làng Lưu Xá, Hưng Hà, Thái Bình). Quách Bốc đem xác Bình Di mai táng rồi vào điện tôn Hoàn Từ Thâm lên làm vua.

Thái tử Sảm chạy về Hải Ấp vào ở nhà Trần Lý làm nghề đánh cá. Thấy con gái Trần Lý là Trần Thị Dung khoẻ mạnh, xinh đẹp bèn lấy làm vợ và phong cho Trần Lý tước Minh Tự, Tông Trung Tự, cậu Trần Thị Dung chức Điện tiền chỉ huy sứ.

Anh em họ Trần mộ quân giúp Thái tử Sảm thu phục kinh thành rồi lên vùng Tam Nông, rước Cao Tông về kinh được 1 năm thì mất (1210) trị vì được 35 năm, Thọ 38 tuổi, đổi Niên hiệu 4 lần, thờ ở đền Đô.

Lý Huệ Tông

Niên hiệu: Kiến Gia (1211-10/1224)

Thái tử Sảm là con trưởng của vua Cao Tông, sinh năm Giáp Dần (1194) khi vua Cao Tông mất Thái tử Sảm lên nối ngôi lấy hiệu là Huệ Tông rồi sai quan quân đi đón Trần Thị Dung về phong làm Nguyên Phi. Lúc ấy Trần Lý đã bị quân cướp giết, con thứ là Trần Tự Khánh nắm binh quyền, Huệ Tông bèn phong cho Tự Khánh làm Chương Tín hầu và Tô Trung Từ làm Thái úy Thuận Lưu Bá.

Vốn không ưa Nguyên phi Trần Thị Dung, lại thấy họ Trần nắm giữ binh quyền. Đàm Thái Hậu, mẹ vua Huệ Tông ra mặt hắt hủi Thị Dung. Trần Tự Khánh thấy em mình bị đối xử tệ bạc liền đem quan về Kinh sư xin vua rước Thị Dung đi, Lý Huệ Tông nghi Trần Tự Khánh nỡ. Tự Khánh thấy vận thân đến quân môn xin lỗi và vẫn xin rước đi. Huệ Tông càng nghi, vội cùng với Đàm Thái Hậu chạy lên Lạng Châu (Lạng Sơn). Từ Thái hậu về Bình Hợp, Đàm Thái hậu cho rằng họ Trần muốn làm phản, thường chỉ mặt Trần Thị Dung xỉ vả và xui Huệ Tông bỏ Thị Dung, nhưng vì mê đắm Thị Dung xinh đẹp bội phần, vua không nghe. Đàm Thái hậu mấy lần bỏ thuốc độc toan giết Thị Dung, nhưng vua đều cản được. Thường đến bữa vua ăn một nửa, một nửa dành cho người đẹp và ngày đêm giữ luôn bên mình không cho đi đâu. Về sau, Thái hậu làm dữ quá, Huệ Tông đang đêm mang Trần Thị Dung trốn đến nhà Tướng quân Lê Mịch và cho đòi Trần Tự Khánh đến châu. Tự Khánh đem quân đến hộ giá Vua về kinh. Huệ Tông phong cho Trần Thị Dung làm Hoàng Hậu, Trần Tự Khánh làm Phụ chính và người của Tự Khánh là Trần Thừa làm Nội thị phán thủ.

Tháng chạp năm Quý Mùi (1223), Trần Tự Khánh mất, vua Huệ Tông cho Trần Thừa làm Phụ Quốc thái úy, và năm sau, giao cho em họ Hoàng hậu là Trần Thủ Độ làm Điện tiền chỉ huy, Từ đó, mọi việc trong Triều đều do vị tướng trẻ Trần Thủ Độ định đoạt.

Vua Huệ Tông về cuối đời thường rượu chè say khướt ngủ cả ngày, không quan tâm đến việc triều chính. Vua không có con trai. Hoàng hậu Trần Thị chỉ sinh được hai công chúa. Người chị là Thuận Thiên công chúa đã gả cho Phụng Kiều Vương Trần Liễu, con cả của Trần Thừa. Người em là Chiêu Thánh công chúa tên là Phật Kim, mới 7 tuổi, được lập làm Thái Tử.

Tháng 10 năm Giáp Thân (1224), Lý Huệ Tông truyền ngôi cho Chiêu Thánh công chúa rồi vào ở chùa Chân Giáo sau mất ở đó. Huệ Tông trị vì được 14 năm.

Lý Chiêu Hoàng (1225)

Niên Hiệu: Thiên Chương Hữu Đạo.

Chiêu Thánh công chúa còn có tên là Phật Kim, sinh vào tháng 9 năm Mậu Dần (1218).

Chiêu Thánh công chúa lên ngôi năm Giáp Thân (1224), tức là Lý Chiêu Hoàng. Vua còn nhỏ lên quyền bính ở cả Trần Thủ Độ. Trần Thủ Độ đưa các cháu vào cung cầm giữ các chức vụ lớn nhỏ.